

Bản án: 123/2017/HS-ST

Ngày: 26/9/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Huệ Chi.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/ Ông Nguyễn Bá Duy Phương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Anh Quân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3 TP. Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện KSND Quận 3 TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 số 139 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2017/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ **VÕ THỊ ANH T**, giới tính: nữ, sinh 1995 tại An Giang, trú tại: ấp N, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Phan Văn T và bà Võ Thị B; có chồng là Phạm Anh A chưa đăng ký kết hôn (là bị cáo trong vụ án) và 01 con; tiền sự: ngày 20/02/2017, bị Toà án nhân dân quận Phú Nhuận ra Quyết định số 02/2017/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 21 tháng; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017; có mặt tại phiên tòa.

2/ **PHẠM ANH A**, giới tính: nam, sinh 1996 tại Hà Nội, trú tại: số 38/10/8 đường K, phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; chỗ ở: số 308/45 đường V, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Phạm Anh T và bà Bùi Huy Anh Th; có vợ là Võ Thị Ánh T, chưa đăng ký kết hôn (là bị cáo trong vụ án) và có 01 con; tiền sự: ngày 18/10/2016, bị Toà án nhân dân Quận 3 ra Quyết định số 78/2016/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 21 tháng kể từ ngày ngày 31/8/2016; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2017; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Lê Thị Hồng O, sinh năm 1984.  
Ngụ tại: số 473/3 đường Tr, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

## NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 TP. Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 20/8/2016, chị Ngô Mai H ngụ tại số 473/3 Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3 có cho Võ Thị Ánh T bế con gái sinh ngày 23/5/2016 vào nhà tắm nhờ. Sau khi tắm bé xong, T phát hiện 01 máy Ipad mini của chị Lê Thị Hồng O (chị gái chị H) để ở gần cầu thang nên nảy sinh lòng tham, lợi dụng lúc không có ai để ý liền len lách vào ba lô đựng quần áo của con gái cất giấu. Sau đó, T mang ba lô và bế con gái ra đầu hẻm lên xe cho Phạm Anh A, là chồng không đăng ký kết hôn, chở về nơi ở tại gầm cầu Công Lý, Quận 3.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, A lục túi lấy quần áo cho con gái thì phát hiện Ipad nên T thú nhận đã lấy ở nhà chị H. A nói T trả lại nhưng T trả lời đang kẹt tiền, rồi rủ A chở T đi bán thì A đồng ý. A chở T bằng xe máy hiệu Wave, gắn biển số 66H2 - 2532 bế theo con gái đến tiệm điện thoại P, số 772 K, Phường 14, quận Phú Nhuận bán cho anh Nguyễn Vũ D được 1.200.000 đồng. T và A đã tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết số tiền này.

Đến khoảng 12 giờ ngày 21/8/2016, chị O tìm gặp được T thì T thừa nhận đã trộm cắp chiếc máy Ipad mini của chị O và đưa chị đến tiệm của anh Nguyễn Vũ D để thương lượng chuộc lại máy. Do không gặp anh D nên chị O đến Công an Phường 8, Quận 3 trình báo sự việc. Sau đó, anh D đã bán máy Ipad mini của chị O cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Quận 3, Võ Thị Ánh T đã khai nhận hành vi trộm cắp A sản và Phạm Anh A đã khai nhận hành vi tiêu thụ A sản do người khác phạm tội mà có như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 08/9/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Võ Thị Ánh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Phạm Anh A về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị Ánh T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Bị cáo Phạm Anh A từ 04 (bốn) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và A liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## **XÉT THẤY**

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, Kết luận định giá A sản số 163/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 30/10/2016 của Hội đồng định giá A sản trong tố tụng hình sự của Quận 3; lời khai người bị hại, cùng các A liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 11 giờ ngày 20/8/2016, tại số 473/3 đường Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3 Võ Thị Ánh T lén lút trộm cắp 01 chiếc máy Ipad mini có giá là 4.100.000 đồng của chị Lê Thị Hồng O và cho vào ba lô đựng quần áo để cất giấu. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Phạm Anh A (là chồng T) lục túi thì phát hiện chiếc máy Ipad mini nên T thú nhận đã lấy trộm ở nhà chị H. A nói T trả lại nhưng T trả lời đang kẹt tiền, rồi rủ A chở T đi bán thì A đồng ý và A chở T đi bán chiếc máy trên được 1.200.000 đồng. Hành vi của T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và hành vi của A đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo hiểu rằng việc chiếm đoạt A sản của người khác là hành vi sai trái, sẽ bị pháp luật trừng trị, xã hội lên án, nhưng do tham lam, muốn có tiền để tiêu xài cho mục đích ích kỷ của bản thân mà không phải lao động vất vả, nên các bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Về nhân thân: Xét cả hai bị cáo đều là đối tượng có nhân thân xấu, đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Vì vậy, nghĩ cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội đối với các bị cáo thì mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục hai bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy hai bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và bị cáo T là phụ nữ đang có con nhỏ. Do đó, khi lượng hình cần áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự cho bị cáo A.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án:

Đối với 01 máy Ipad mini, theo Kết luận định giá A sản số 163/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 30/10/2016 của Hội đồng định giá A sản trong tổ tụng hình sự của Quận 3 xác định có giá là 4.100.000 đồng. Trong đơn tường trình, người bị hại có yêu cầu bị cáo T bồi thường 4.500.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của người bị hại là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận buộc bị cáo T bồi thường số tiền 4.100.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Vũ D là người mua chiếc máy Ipad mini, do không biết đây là A sản do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Ánh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và Phạm Anh A đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo VÕ THỊ ÁNH T 06 (sáu) tháng tù.  
Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo PHẠM ANH A 04 (bốn) tháng tù.  
Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Võ Thị Ánh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị Hồng O số tiền 4.100.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không thi hành khoản tiền bồi thường nói trên, thì các bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành

Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST, mỗi bị cáo 200.000 đồng; Án phí DSST bị cáo T phải chịu 300.000 đồng .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.3;
- Công an Q.3;
- Chi cục THA Dân sự Q.3;
- Sở Tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**Lê Huệ Chi**

